TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 07/5/2019.
V/v: " Yêu cầu ly hôn ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC – TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn.
Các hội thẩm nhân dân:
Bà Đoàn Thị Mến.
Bà Trịnh Thị Mai Hương.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM tham gia phiên toà: ông Đỗ Đình Luyến – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân – gia đình thụ lý số: 07/2019/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019, về việc: " Yêu cầu ly hôn ". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày: 27/3/2019, quyết định hoãn phiên toà số: 40/2019/QĐST – HNGĐ ngày: 16/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Văn Thị A**,** sinh năm: 1981 – (Có mặt).
HKTT: tổ 8, ấp TN, xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Bị đơn: Nguyễn Duy N, sinh năm: 1981 – (Vắng mặt).
HKTT: ấp TT, xã TP, thị xã LB, tỉnh Bình Phước.
Chỗ ở hiện nay: tổ 8, ấp TN, xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2019, bản khai ngày 23/01/2019, biên bản hoà giải ngày 23/01/2019, biên bản về việc không tiến hành hoà giải được ngày 18/3/2019 tại Tòa án, và tại phiên toà, nguyên đơn chị Văn Thị A trình bày: chị A kết hôn với anh N vào tháng 6/2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, có tổ chức lễ cưới, trước lúc kết hôn có tìm hiểu nhau, gia đình hai bên đều biết và đồng ý. Việc kết hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không có ai mai mối, ép buộc.

Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường cãi lộn, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù hai bên đã dàn xếp, hoà giải với nhau nhiều lần nhưng không được. Vì vậy, từ tháng 09/2018 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế, mặc dù vẫn sống chung một nhà.

Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị A yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: có 01 con chung là: Nguyễn Bảo Q, sinh ngày: 07/6/2016. Hiện nay đang sống cùng với chị A và anh N. Nếu ly hôn chị A yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị A chưa yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay chịị A vẫn giữ nguyên ý kiến: Yêu cầu ly hôn với anh N, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Chưa yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Theo bản khai ngày 23/01/2019, biên bản hoà giải ngày 23/01/2019 tại Toà án, bị đơn anh Nguyễn Duy N trình bày: về thời gian, điều kiện kết hôn anh N công nhận đúng như chịị A đã trình bày.

Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N làm nghề tài xế phải đi làm xa nên chị A ghen tuông nên vợ chồng thường cãi lộn, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù anh N đã giải thích nhiều lần nhưng chị A không tin. Vì vậy, từ tháng 12/2018 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế, mặc dù vẫn sống chung một nhà

Nay chị A yêu cầu ly hôn thì anh N không đồng ý ly hôn với chị A.

Về con chung: có 01 con chung là: Nguyễn Bảo Q, sinh ngày: 07/6/2016. Hiện nay đang sống cùng với chị A và anh N. Nếu ly hôn anh N đồng ý để chị A nuôi dưỡng con chung, anh N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh N chưa yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh Nguyễn Duy N dù đã được toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên toà hôm nay anh N vẫn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Quan điểm của vị đại diện VKS tham gia phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và HĐXX: thẩm phán và HĐXX đã tuân thủ đúng theo những quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành theo sự triệu tập của Toà án trong một số phiên hoà giải và tại phiên toà dù đã được triệu tập hợp lệ là chưa chấp hành pháp luật, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu của đương sự: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Văn Thị A đối với anh Nguyễn Duy N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, việc chấp hành pháp luật và hướng giải yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: chị Văn Thị A khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị A ly hôn với anh Nguyễn Duy N, yêu cầu được nuôi con chung. Đây là tranh chấp về yêu cầu ly hôn và nuôi con chung, theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Anh N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị A và anh N là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định (Bút lục số: 01) nên là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng mỗi bên trình bày một nguyên nhân khác nhau, nhưng đều thừa nhận là có mâu thuẫn, nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 12/2018 cho đến nay, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế (Bút lục số: 21).

Điều này cũng phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương (Bút lục số: 31). Điều đó chứng tỏ: giữa chị A và anh N không còn yêu thương, tôn trọng, chia sẻ lẫn nhau. Làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị A không còn muốn duy trì cuộc sống hôn nhân với anh N nữa. Vì vậy, mặc dù anh N không đồng ý ly hôn với chị A, nhưng việc chị A yêu cầu ly hôn với anh N là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu của chị A. Về hôn nhân chị A được ly hôn với anh N .

[3] Về con chung: có 01 con chung là: Nguyễn Bảo Q, sinh ngày: 07/6/2016. Hiện nay đang sống cùng với chị A và anh N. Nếu ly hôn anh N cũng đồng ý để chị A nuôi dưỡng con chung (Bút lục số: 21). Vì vậy giao cháu Q cho chị A nuôi dưỡng. Anh N có trách nhiệm giao cháu Q cho chị A nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: do chị A tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này các bên có tranh chấp về vấn đề này thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị A và anh N đều chưa yêu cầu toà án giải quyết (Bút lục số: 21), nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này các bên có tranh chấp về vấn đề này thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định.

[5] Về án phí: Do là nguyên đơn nên chị A phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các điều 56, 59, 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Văn Thị A đối với anh Nguyễn Duy N.

[1] Về hôn nhân: chị Văn Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Duy N.

[2] Về con chung: có 01 con chung là: Nguyễn Bảo Q, sinh ngày: 07/6/2016. Hiện nay đang sống cùng với chị A và anh N.

Chịi A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N có trách nhiệm giao cháu Q cho chị A nuôi dưỡng.

Anh N được quyền lui tới thăm và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

Vì lợi ích của con chung trong quá trình nuôi dưỡng và chăm sóc chị A và anh N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: chị A và anh N chưa yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về án phí: chị A phải nộp 300.000Đ (Ba trăm ngàn) án phí HNGĐST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000Đ (Ba trăm ngàn) mà chị A đã nộp theo biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0006548 ngày 04/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện XM. Chị A đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành án quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (những người vắng mặt tại phiên toà thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án) để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận.
- TAND tỉnh BR – VT.
- VKSND huyện XM.
- Chi cục THADS huyện XM.
- UBND xã BC.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

Hoàng Ngọc Tuấn